

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HS-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn
Thẩm phán: Ông Nguyễn Hà Giang
Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Đào
Ông Phạm Đức Thọ
Bà Nguyễn Thu Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà Thu- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đặng Nguyễn Hải Ninh- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2024/ST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 231/2024/QĐXXST-HS ngày 04/9/2024 và Thông báo bổ sung đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hán Thanh X**; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 13/12/1976 tại **huyện P, tỉnh Phú Thọ**; Nơi cư trú: **Khu C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ**; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Bố đẻ: **Hán Văn Đ** (đã chết); Mẹ đẻ: **Bùi Thị H** (đã chết); **A**, chị em ruột: có 03 người, bị cáo là thứ 3; Vợ: **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1980; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2011; Vợ, con hiện trú tại **thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ**; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 18/2021/HSST ngày 28/5/2021 của TAND huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ tuyên phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 BLHS. Đã chấp hành xong hình phạt chính ngày 26/4/2022. Các quyết định khác của bản án đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam **Công an tỉnh P**. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Nguyễn Lương H1** - Luật sư **công ty L2** thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh P**.

Địa chỉ: **A M, đường A, phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ**. Có mặt

Người bị hại:

1. Công ty TNHH T6. Địa chỉ: Khu E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Bắc B - Giám đốc. SĐT 0945.309.919. Có mặt
2. Công ty cổ phần P1. Địa chỉ: Số D, đường N, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội. Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Quỳnh A. SĐT: 0916.546.899. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980. Trú tại: Khu F, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0984.293.111 – 0912.174.919. Có mặt
2. Ông Lê Đình D, sinh năm 1975. Trú tại: Khu C, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0984.494.128. Có mặt
3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994. Trú tại: Khu A (N), xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0984.998.666. Vắng mặt

Người làm chứng:

1. Bà Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1984. Trú tại: Khu E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0979.565.762. Có mặt
2. Anh Lê Văn C, sinh năm 1991. Trú tại: Khu G, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0868.283.661. Vắng mặt
3. Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1961. Trú tại: Khu A (N), xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0982.271.297 - 0842.271.297. Vắng mặt
4. Ông Trần Duy L, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn M, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. SĐT: 0912.154.904. Vắng mặt
5. Anh Trịnh Ngọc V, sinh năm 1989. Trú tại: C Q, quận H, thành phố Hà Nội. SĐT: 0972.626.123. Có mặt
6. Ông Hà Sỹ L1, sinh năm 1976. Trú tại: Khu C, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0979.004.628. Có mặt
7. Ông Nguyễn Duy H3, sinh năm 1978. Trú tại: Khu D, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0971.012.779. Có mặt
8. Ông Phan Việt P, sinh năm 1978. Trú tại: Tổ B, khu A, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0834.971.666. Vắng mặt
9. Ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1977. HTTT: Khu A, xã S, huyện L, tỉnh Phú Thọ; Trú tại: KCN vừa và nhỏ N, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội. SĐT: 0988.763.188. Vắng mặt
10. Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1989. Trú tại: Khu B, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ. SĐT: 0582.348.999. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hán **Thanh X**, sinh năm 1976, HKTT: **Khu C, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ** là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, lại ham chơi, nợ nần nhiều người, không có khả năng trả nợ nên **X** đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân và trả nợ. Trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 7/2023, **Hán Thanh X1** đã thực hiện 02 vụ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào đầu tháng 07/2023, **Hán Thanh X1** nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt sắt thép để đi bán lấy tiền ăn tiêu. Để thực hiện ý định của mình, **X1** tìm người tiêu thụ sắt thép trước. Qua tìm hiểu, **Hán Thanh X1** biết chị **Nguyễn Thị H2**, SN 1980 trú tại khu 6 **xã T, TP ., tỉnh Phú Thọ**, là chủ **cửa hàng S** có nhu cầu mua sắt thép. **X1** liên hệ với chị **H2** nói mình có một số sắt thép còn mới do **X1** bắt nợ được của người khác muốn bán lại cho chị **H2** với giá rẻ hơn thị trường để thu hồi nợ. Do tin tưởng **Hán Thanh X1** nên chị **H2** đồng ý. Hán **Thanh X1** có nói với chị **H2** cần mua loại sắt thép gì thì thống kê và gửi vào tài khoản zalo của **X1**.

Ngày 03/7/2023, **Hán Thanh X1** đã liên hệ với anh **Trần Bắc B**, sinh năm 1982 là giám đốc **Công ty TNHH T6** có địa chỉ tại **khu E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ** để liên hệ mua sắt thép. Để cho anh **B** và vợ của anh **B** là chị **Trần Thị Thanh T2** tin tưởng, **Hán Thanh X1** đã đưa thông tin gian dối là **X1** có quan hệ quen biết với bà **H4** là Giám đốc **Trại giam P2** (thực chất không có người như **X1** nói) đang cần mua sắt thép để nhập vào **Trại giam P2** đóng giường tủ cho các tỉnh Phía Bắc nên đề nghị anh chị Bộ **T2** cùng hợp tác để nhập sắt thép. Anh **B** và chị **T2** đề nghị **X1** cho làm việc trực tiếp với bà **H4** nhưng **X1** nói rằng bà **H4** không làm việc với người lạ nên **X1** sẽ ký hợp đồng. Sau khi đã ký hợp đồng và nhập được sắt thép thì sẽ giới thiệu để anh **B**, chị **T2** làm việc trực tiếp. Đồng thời, **X1** nói khi bán ống sắt, thép cho **Trại giam P2** thì sẽ không được nhận tiền ngay mà sẽ được thanh toán trong thời hạn 10 ngày. Tin lời Hán Thanh Xuân nên ngày 06/7/2023 giữa **công ty TNHH T6** và **H8** đã ký hợp đồng mua bán số 017/HĐMB-2023, đề ngày 03/7/2023. Nội dung hợp đồng thể hiện **Công ty TNHH T6** đồng ý bán cho **X1** các loại mặt hàng: Thép hộp mạ kẽm, thép đen V, U, I, vuông, inox các loại, tôn tấm, tấm lợp các loại, vít bắt tôn, sơn... Khi có nhu cầu mua hàng thì **X1** đặt trước bằng điện thoại, email để **công ty TNHH T6** chuẩn bị hàng hóa để giao cho **X1**.

Theo thỏa thuận của hợp đồng, khi bán hàng, **công ty TNHH T6** có trách nhiệm vận chuyển và giao đến địa điểm nhận hàng. Tuy nhiên, **X1** đưa thông tin gian dối là **Trại giam P2** tự bố trí xe để vận chuyển nên **công ty TNHH T6** không phải vận chuyển. Thực tế Xuân tự thuê xe để vận chuyển hàng hóa tránh việc anh **B**, chị **T2** phát hiện hành vi của mình.

Sau khi nhận được tin nhắn của chị Nguyễn Thị H2 gửi có nội dung bảng kê số lượng sắt thép cần mua. Ngày 06/7/2023, Hán Thanh X1 gửi lại cho anh B, chị T2 để mua ống sắt, thép của anh B, chị T2.

Chiều ngày 06/7/2023, H8 thuê Lê Văn C, sinh năm 1991 trú tại xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ chở X1 từ cổng chào khu đô thị M thuộc phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đi đến công ty TNHH T6 để mua hàng hóa sắt thép. Khi đi, Hán T có rủ Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 1985 trú tại phường Y, TP., tỉnh Yên Bái cùng đi. Sau đó, X1 có nhờ C thuê 01 xe ô tô cầu của anh Hà Sỹ L1, sinh năm 1976 trú tại khu C, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. X1 chỉ nói với C là thuê xe cầu để chở hàng và không nói rõ mục đích với C.

Đến công ty TNHH T6, X1 làm việc với anh Trần Bắc B. Sau đó, anh B chị T2 đã giao cho X1 09 loại sắt thép gồm thép ống 76x1.4; thép hộp 30x60x1.4; thép hộp 40x80x1.4; thép hộp 40x40x1.4; thép hộp 20x40x1.4; thép hộp 25x50x1.4; thép hộp 20x40x1.1; thép hộp 50x100x1.4; thép V4 với tổng số tiền là 138.948.000 đồng. X1 cho cầu hàng lên xe ô tô do X1 thuê và mang về bán cho chị Nguyễn Thị H2 được tổng số tiền là 120.000.000 đồng. Chị H2 đã thanh toán toàn bộ số tiền trên cho Hán Thanh X1.

Ngày 09/7/2023, sau khi chị H2 kê các loại sắt thép cần mua và gửi cho X1. Hán Thanh X1 đã thuê xe cầu của anh Nguyễn Duy H3, sinh năm 1978 trú tại khu D, xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ đến công ty TNHH T6. Anh B, chị T2 đã bán cho X1 10 loại sắt thép gồm thép hộp 40x40x1.1; thép 90x1.4; thép ống 60x1.4; thép hộp 25x25x1.4; thép hộp 25x25x1.1; thép hộp 14x14x1.1; thép hộp 14x14x1.4; thép hộp 20x20x1.4; thép hộp 30x30x1.1; thép hộp 40x80x1.4 với tổng số tiền là 55.365.000 đồng. Sau đó, X1 cầu hàng lên xe cầu và mang bán cho chị H2 toàn bộ số sắt thép nêu trên được số tiền là 49.000.000 đồng. Chị H2 đã thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Hán Thanh X1.

Ngày 13/7/2023, với thủ đoạn nêu trên sau khi chị H2 kê các loại sắt thép cần mua và gửi cho X1. Hán Thanh X1 đã thuê xe cầu đến công ty TNHH T6. Anh B, chị T2 đã bán cho X1 18 loại sắt thép gồm thép hộp 14x14x1.1; thép hộp 20x40x1.4; thép hộp 30x30x1.4; thép hộp 40x80x1.4; thép hộp 30x60x1.4; thép hộp 30x60x1.1; thép hộp 13x26x1.4; thép hộp 20x20x1.1; thép hộp 40x40x1.1; thép ống 114x1.4; thép hộp 40x80x1.8; thép V1; thép V5-18; thép hộp 25x25x1.1; thép ống 76x1.4; thép hộp 50x100x1.4; thép hộp 30x30x1.1; thép hộp 25x50x1.4 với tổng số tiền là 177.962.000 đồng. Sau đó, X1 cầu hàng lên xe cầu và mang bán cho chị H2 toàn bộ số sắt thép nêu trên được số tiền là 155.000.000 đồng. Chị H2 đã thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Hán Thanh X1.

Trong ngày 13/7/2023, để tạo lòng tin với anh chị B, T2. Hán Thanh X1 biết trong tài khoản của Nguyễn Ngọc Đ1 (số tài khoản 42310000211734) có tiền nên X1 đã nhờ Đ1 chuyển khoản tiền đến tài khoản của chị T2 (số tài khoản 0979565762) số tiền

100.000.000 đồng. X1 đã đưa cho Đ1 số tiền trên bằng tiền mặt. Đến ngày 14/7/2023, X1 đã trả thêm cho chị T2 số tiền 36.948.000 đồng. Đây là số tiền X1 mua sắt thép của anh chị Bộ T2 ngày 06/7/2023. Theo lời khai của Hán Thanh X1 thì X1 chỉ nhờ Đ1 chuyển hộ tiền cho chị T2, X1 không nói cho Đ1 biết việc X1 đang lừa anh chị Bộ T2 và Đ1 không được hưởng lợi ích gì.

Ngày 14/7/2023, Hán Thanh X1 thuê xe cầu đến công ty TNHH T6 và được anh chị Bộ T2 bán cho 11 loại sắt thép gồm thép hộp 30x60x1.1; thép hộp 40x80x1.4; thép hộp 40x80x1.8; thép ống 114x1.4; thép V1; thép hộp 25x25x1.4; thép hộp 40x80x1.1; tròn 16; thép ống 90x1.4; thép hộp 14x14x1.4; thép hộp 13x26x1.1 với trị giá là 151.853.000 đồng. Sau khi cầu hàng hóa sắt thép lên xe thì Hán Thanh X1 đã mang bán cho chị H2 toàn bộ số sắt thép nêu trên được số tiền là 128.000.000. đồng Chị H2 đã thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Hán Thanh X1.

Ngày 19/7/2023, Hán Thanh X1 đã thuê xe cầu đến công ty TNHH T6 và được anh chị Bộ T2 bán cho 06 loại sắt thép gồm thép hộp 30x60x1.4; thép hộp 40x80x1.4; thép hộp 25x25x1.4; thép hộp 20x40x1.4; thép hộp 30x60x1.1; thép hộp 40x40x1.4 với trị giá là 60.863.000 đồng. Sau khi cầu hàng hóa sắt thép lên xe thì Hán Thanh X1 đã mang bán cho chị H2 toàn bộ số sắt thép nêu trên được số tiền là 40.000.000 đồng. Chị H2 đã thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Hán Thanh X1.

Ngày 15, 17/7/2023, chị H2 có việc đi vắng không lấy hàng nên X1 đã tìm người mua hàng khác. Qua tìm hiểu thì X1 biết anh Lê Đình D, sinh năm 1975 trú tại xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ là chủ cửa hàng sắt thép D. Sau khi bán hàng sắt thép cho anh D thì anh D đã giới thiệu cho X1 bán sắt thép cho anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994 trú tại xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Cụ thể như sau:

Ngày 15/7/2023, H8 đã thuê xe cầu đến công ty TNHH T6 và được anh chị Bộ T2 bán cho 06 loại sắt thép gồm thép hộp 25x25x1.4; thép hộp 40x80x1.4; thép hộp 30x60x1.4; thép hộp 20x20x1.4; thép hộp 14x14x1.4; thép hộp 20x40x1.4 với trị giá là 71.794.000 đồng. Sau khi cầu hàng hóa sắt thép lên xe thì Hán Thanh X1 đã mang bán cho chị anh D toàn bộ số sắt thép nêu trên được số tiền là 60.000.000 đồng. Anh D đã thanh toán toàn bộ số tiền nêu trên cho Hán Thanh X1.

Ngày 17/7/2023, Hán Thanh X1 thuê xe cầu đến công ty TNHH T6 mua của anh chị Bộ T2 12 loại sắt thép gồm thép hộp 20x40x1.4; thép hộp 25x50x1.4; thép hộp 20x20x1.4; thép hộp 20x20x1.1; thép hộp 30x30x1.4; thép hộp 14x14x1.4; thép hộp 16x16x1.4; thép hộp 16x16x1.1; thép hộp 13x26x1.4; thép hộp 13x26x1.1; thép hộp 40x80x1.4; thép hộp 30x60x1.4 với tổng số tiền là 221.556.000 đồng. Sau khi cầu hàng hóa sắt thép lên xe cầu, X1 đã mang bán cho anh Lê Đình D 05 loại sắt thép được số tiền là 80.000.000 đồng. Số sắt thép còn lại, Hán Thanh X1 đã bán cho anh Nguyễn Văn

T1 được tổng số tiền là 98.000.000 đồng. Anh D và anh T1 đã thanh toán toàn bộ số tiền cho Hán Thanh X1.

Khi bị chị T2 đòi tiền nhiều lần thì ngày 20/7/2023, X1 liên hệ với Nguyễn Trọng N, sinh năm 1989 trú tại khu B, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ và nhờ làm giả chứng từ X1 chuyển khoản cho chị T2 số tiền 60.000.000 đồng rồi gửi cho chị T2. Sau khi nhận được hình ảnh chuyển tiền thì Hán Thanh X1 đã gửi cho chị T2. Mục đích X1 gửi hình ảnh nêu trên cho chị T2 là để chị T2 tin là X1 đã chuyển tiền và không yêu cầu X1 phải trả tiền ngay. Khi giúp X1 làm hình ảnh thì N không biết mục đích của X1 làm giả hình ảnh chuyển tiền để làm gì và không được hưởng lợi ích gì. Tuy nhiên do chị T2 có kiểm tra thấy tài khoản ngân hàng không nhận được tiền như X1 thông báo nên vẫn tiếp tục yêu cầu X1 trả tiền và không bán hàng cho X1 lần nào khác. Như vậy, Hán Thanh X1 đã mua của anh chị Bộ T2 07 lần với tổng số 5797 cây ống sắt, thép các loại với tổng số tiền là 876.341.000 đồng. Hán Thanh X1 đã bán sắt cho chị Nguyễn Thị H2 05 lần được tổng số tiền là 492.000.000 đồng. Bán cho anh Lê Đình D 02 lần được tổng số tiền là 140.000.000 đồng. Bán sắt thép cho anh Nguyễn Văn T1 01 lần được số tiền là 98.000.000 đồng.

Ngày 12/8/2023, sau khi làm việc với cơ quan điều tra anh Lê Đình D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 179 ống thép Việt Đức các loại. Đây là số sắt thép anh D đã mua của Hán Thanh X1 nhưng chưa bán hết.

Ngày 12/8/2023, sau khi làm việc với cơ quan điều tra anh Nguyễn Văn T1 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 205 ống thép Việt Đức các loại. Đây là số sắt thép anh T1 đã mua của Hán Thanh X1 nhưng chưa bán hết.

Ngày 13/8/2023, sau khi làm việc với cơ quan điều tra chị Nguyễn Thị H2 đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan điều tra 502 ống thép Việt Đức các loại. Đây là số sắt thép chị H2 đã mua của Hán Thanh X1 nhưng chưa bán hết.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 798 và 800/KL-HĐĐGTS ngày 28/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự TP., tỉnh Phú Thọ kết luận: *Giá trị số ống sắt thép Hán Thanh Xuân mua của Công ty TNHH T6 là 849.346.407 đồng; giá trị số ống sắt thép tạm giữ của chị Nguyễn Thị H2 là 67.975.167 đồng; giá trị số ống sắt thép tạm giữ của anh Nguyễn Văn T1 là 13.744.215 đồng; giá trị số ống sắt, thép tạm giữ của ông Lê Đình D là 25.312.743 đồng.*

Vụ thứ hai: Hán Thanh X1 là nhân viên làm việc tại Công ty TNHH T6 có địa chỉ tại khu A, thị trấn P, huyện P, Phú Thọ từ khoảng tháng 7/2020 đến khoảng tháng 5/2023 với vai trò liên hệ thỏa thuận nhập nguyên liệu hạt nhựa và trực tiếp thực hiện sản xuất nên X1 có biết Công ty cổ phần P1 có địa chỉ tại thị trấn Đ, Đ, Hà Nội. Cuối tháng 5/2023 Hán Thanh X1 tự nghỉ việc tại Công ty TNHH T6 và không báo cáo gì cho ông Trương Phi H5 - Giám đốc công ty. Đến đầu tháng 6/2023, do X1 nợ tiền của nhiều

người và không có tiền để chi tiêu cá nhân, **Hán Thanh X1** đã liên hệ với một số khách hàng có nhu cầu mua hạt nhựa nguyên sinh với mục đích để **X1** sẽ liên hệ với **Công ty cổ phần P1** đặt hàng hạt nhựa rồi bán lại cho khách hàng cần mua để lấy tiền. Mặc dù không còn làm việc tại **Công ty TNHH T6** nhưng để đặt niềm tin và muốn nhập được hàng của **Công ty cổ phần P1**, **Hán T** vẫn trao đổi với ông **Trịnh Ngọc V** - Trưởng phòng kinh doanh của **Công ty cổ phần P1** là **X1** vẫn đang làm việc tại **Công ty TNHH T6** và hàng mà **X1** đặt vẫn nhập về **Công ty TNHH T6**. Qua tìm hiểu, **X1** tìm được ông **Trần Duy L**, sinh năm: 1972, HKTT: **thôn M, thị trấn N, V, Hưng Yên** là chủ cơ sở kinh doanh **Trần Duy L** có địa chỉ: **KCN làng nghề M, thị trấn N, V, Hưng Yên** có nhu cầu đặt 10.000kg hạt nhựa nguyên sinh LLDPE218WJ và 500kg hạt nhựa nguyên sinh LD4025AS. **X1** thỏa thuận với ông **V** mua 10.000kg hạt nhựa nguyên sinh LLDPE218WJ và 500kg hạt nhựa nguyên sinh LD4025AS với giá 252.000.000đ. Sau khi ông **L** đặt hàng, ngày 06/6/2023, **X1** liên hệ với ông **Trịnh Ngọc V** để đặt hàng, sau đó ông **V** gửi cho **X1** báo giá và thỏa thuận sau 10 ngày nhận hàng sẽ thanh toán tiền, số tiền hàng là **273.500.000 đồng**. Sau đó, **Hán Thanh X1** thuê xe ô tô của **Công ty TNHH V2** có địa chỉ: **khu G, xã C, L, Phú Thọ** ông **Đặng Đức T5**, sinh năm 1985, HKTT: **khu G, C, L, Phú Thọ** làm giám đốc để chở hàng cho ông **L**. Ông **T5** phân công ông **Phan Việt P**, sinh năm 1978, HKTT: **Tổ B, khu A, phường V, TP V, tỉnh Phú Thọ** lái xe ô tô tải BKS: 19H-009.41 để chở thuê hàng từ kho của **Công ty cổ phần P1** ở **tổ F, thị trấn Đ, Đ, Hà Nội** đến cơ sở kinh doanh của ông **L** có địa chỉ tại **KCN làng nghề M, thị trấn N, V, Hưng Yên**. Nhận được hàng, ông **L** đã thanh toán cho **X1** số tiền là 252.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng. Sau khi nhận được tiền, **X1** không thanh toán cho **Công ty cổ phần P1** mà sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Ngày 15/01/2024, Cơ quan CSĐT **Công an huyện Đ**, thành phố Hà Nội đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với bị can **Hán Thanh X1** về hành vi **“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”** quy định tại khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và tiến hành các biện pháp điều tra theo quy định.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 223/HĐĐGTS ngày 06/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện Đ, thành phố Hà Nội** kết luận: *Tổng giá trị tài sản vật chứng của vụ án là 273.500.000 đồng.*

Ngày 03/5/2024, VKSND TP Hà Nội đã ra Quyết định chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan điều tra, **Hán Thanh X1** đã khai nhận hành vi của mình như đã nêu trên. Lời khai của đối tượng hoàn toàn phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ.

- **Những đồ vật, tài liệu, vật chứng của vụ án CQĐT đã tạm giữ:**

+ Thu giữ của chị **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1980 trú tại **kh. F, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ** tổng số 502 ống thép Việt Đức các loại.

+ Thu giữ của **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1994 trú tại **kh. A, xã T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ** tổng số 205 ống thép Việt Đức các loại.

+ Thu giữ của anh **Lê Đình D**, sinh năm 1975 trú tại **kh. C, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ** tổng số 179 ống thép Việt Đức các loại.

+ Thu giữ của **H801** điện thoại di động dụng nhãn hiệu SAMSUNG đã qua sử kèm 01 sim điện thoại trong máy.

+ 01 đĩa DVD dữ liệu **Nguyễn Thị H2** và 01 đĩa DVD dữ liệu cho **Trần Thị Thanh T2** giao nộp ghi lại hình ảnh khi Hân **Thanh X1** đến cửa hàng của chị **H2** và chị **T2**.

- **Việc xử lý đồ vật, tài liệu:** Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trao trả số ống sắt thép đã thu giữ được cho anh **Trần Bắc B** và anh **Lê Đình D**. Cụ thể

+ Trao trả cho anh **Trần Bắc B**:

STT	Tên đồ vật	Số lượng (Cây)	Thành tiền (Đồng)
1	Ống thép 30x60x1.1 Việt Đức	50	8.280.750
2	Ống thép 14x14x1.1 Việt Đức	130	6.256.770
3	Ống thép 13x26x1.4 Việt Đức	105	9.031.050
4	Ống thép 76x1.4 Việt Đức	10	2.812.710
5	Ống thép 25x50x1.4 Việt Đức	40	6.917.400
6	Ống thép 40x80x1.4 Việt Đức	50	14.072.700
7	Ống thép 30x60x1.4 Việt Đức	55	11.504.295
8	Ống thép 40x40x1.1 Việt Đức	62	9.099.492
9	Ống thép 16x16x1.4 Việt Đức	160	11.067.840
10	Ống thép 14x14x1.4 Việt Đức	45	2.676.375
11	Ống thép 20x20x1.1 Việt Đức	73	5.169.933
12	Ống thép 25x50x1.4 Việt Đức	56	9.684.360
Tổng trị giá tài sản			96.573.675

+ Trao trả cho anh **Lê Đình D**:

STT	Tên đồ vật	Số lượng (Cây)	Thành tiền (Đồng)
1	Ống thép 30x60x1.4 Việt Đức	50	10.458.450
Tổng trị giá tài sản			10.458.450

- **Hiện còn tạm giữ:** 01 điện thoại di động dụng nhãn hiệu SAMSUNG đã qua sử dụng kèm 01 sim điện thoại trong máy, điện thoại của **Hân Thanh X1** (điện thoại được niêm phong) và 02 đĩa DVD được lưu trong hồ sơ vụ án.

- **Về bồi thường dân sự:** Bị hại, người liên quan trong vụ án có yêu cầu Hán Thanh Xuân có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật của **X1** gây ra. Đến nay, **Hán T** vẫn chưa thực hiện việc bồi thường này. Cụ thể:

+ **Công ty TNHH T6:** Yêu cầu **H8** trả lại số là 642.819.325đ tương đương với số giá trị hàng hóa mà **Hán Thanh X1** đã chiếm đoạt của **Công ty TNHH T6**. Ngoài ra, đề nghị Hán **Thanh X1** có trách nhiệm trả số tiền phạt vi phạm theo hợp đồng đã ký là 12% của số tiền 739.393.000đ là 88.727.000đ và **Hán Thanh X1** có trách nhiệm trả lãi theo lãi xuất ngân hàng tính đến thời điểm **Hán T** thanh toán được toàn bộ số tiền nêu trên.

+ **Công ty cổ phần P1:** Yêu cầu **Hán Thanh X1** trả lại số là 273.500.000đ tương đương với số giá trị hàng hóa mà Hán **Thanh X1** đã chiếm đoạt của **Công ty cổ phần P1**. Ngoài ra, về phần lãi đề nghị Hán Thanh Xuân trả lãi kể từ ngày 16/6/2023 (là ngày đơn hàng được tính là quá hạn thanh toán) với lãi suất là 10% tương đương số tiền là 27.574.795 đồng.

+ Chị **Nguyễn Thị H2:** Yêu cầu **Hán Thanh X1** có trách nhiệm trả lại số tiền 63.500.000 đồng tương đương số tiền mà chị **H2** đã mua số sắt thép của **Hán T** và bị cơ quan công an thu giữ.

+ Anh **Lê Đình D** và anh **Nguyễn Văn T1:** Không yêu cầu **Hán Thanh X1** trả lại số tiền tương đương số sắt thép mà cơ quan điều tra đã thu giữ.

Tại bản Cáo trạng số:64/CT-VKSPT-P2ngày 08/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo **Hán Thanh X1** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo **Hán Thanh X1** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Hán Thanh X1** từ 13 năm đến 14 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/10/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584 và Điều 586 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo **Hán Thanh X1** bồi thường cho:

+ **Công ty TNHH T6** số tiền 642.819.325đ tương đương với số giá trị hàng hóa mà **Hán Thanh X1** đã chiếm đoạt của **Công ty TNHH T6**.

+ Công ty cổ phần P1 số tiền 273.500.000đ tương đương với số giá trị hàng hóa mà Hán Thanh X1 đã chiếm đoạt của Công ty cổ phần P1.

+ Chị Nguyễn Thị H2 số tiền 63.500.000 đồng tương đương số tiền mà chị H2 đã mua số sắt thép của Hán T và bị cơ quan công an thu giữ.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc điện thoại di động.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không tranh luận gì.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: Nhất trí tội danh, khung hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt theo như quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị.

Đại diện Công ty T6 nhất trí theo quan điểm của Viện kiểm sát

Đại diện Công ty P1 có quan điểm, bị cáo phạm tội và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Hội đồng giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bà Nguyễn Thị H2 và ông Lê Đình D nhất trí theo quan điểm của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử có đưa bà Trần Thị Thanh T2, anh Lê Văn C, bà Nguyễn Thị T3, ông Trần Duy L, anh Trịnh Ngọc V tham gia tố tụng là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Xét thấy những người này không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án. Do vậy Bản án này chỉ đưa tham gia tố tụng là người làm chứng. Xét thấy người có quyền lợi liên quan là anh Nguyễn Văn T1 và một số người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai trong hồ sơ nên Hội đồng đưa vụ án ra xét xử.

[1] Về đánh giá chứng cứ:

Tại phiên tòa, bị cáo đều khai nhận Do cần tiền chi tiêu cá nhân và để có tiền trả nợ, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 7/2023, Hán Thanh X1 đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 1.122.846.407 đồng. Cụ thể:

Khoảng đầu tháng 6/2023, X1 tìm hiểu và biết Trần Duy L có nhu cầu mua 10.000kg hạt nhựa nguyên sinh LLDPE218WJ và 500kg hạt nhựa nguyên sinh LD4025AS, X1 thỏa thuận bán cho L số hàng trên với giá 252.000.000 đồng. Tới ngày 06/6/2023, lấy tư cách là đại diện công ty TNHH T6, X1 liên hệ với Trịnh Ngọc V là nhân viên bán hàng của công ty cổ phần P1 để mua 10.000kg hạt nhựa nguyên sinh LLDPE218WJ và 500kg hạt nhựa nguyên sinh LD4025AS trị giá 273.500.000 đồng. Sau khi nhận được số hàng này từ kho hàng của công ty cổ phần P1 thuộc tổ F, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố Hà Nội, X1 mang bán cho Trần Duy L như thỏa thuận, nhận được 252.000.000 đồng từ L, X1 chi tiêu, trả nợ cá nhân hết, không trả tiền cho công ty cổ phần P1.

Ngoài ra đầu tháng 7/2023, X1 tìm tới cửa hàng buôn bán sắt, thép xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và giới thiệu bản thân đang bắt nợ được một số lượng hàng sắt, thép, muốn bán lại cho những cửa hàng này với giá rẻ hơn giá thị trường. Sau khi chủ cửa hàng đồng ý mua, ngày 03/7/2023, X1 đến công ty TNHH T6 thuộc khu E, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ do anh Trần Bắc B làm giám đốc và chị Trần Thị Thanh T2 vợ anh B làm quản lý bán hàng thỏa thuận ký hợp đồng mua sắt, thép của công ty TNHH T6. Công ty TNHH T6 đã giao cho X1 khối lượng hàng hóa trị giá 849.346.407 đồng, số hàng này X1 bán, thu được 730.000.000 đồng, trong đó X1 trả cho chị T2 136.948.000 đồng, số tiền còn lại X1 đã tiêu xài cá nhân trả nợ hết. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người liên quan và người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ của bị cáo. Do vậy có đủ cơ sở kết luận Hán T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự theo như Viện kiểm sát truy tố là đúng quy định của pháp luật.

Xét tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó xâm phạm đến quản lý các chất ma túy của nhà nước, hành vi đó còn tiếp tay cho những con nghiện, hành vi đó còn gây những tệ nạn xã hội, làm hủy hoại nòi giống. Do vậy cần phải xét xử nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và làm gương cho những ai đang có hành vi tương tự như bị cáo.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội đánh bạc, mặc dù đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học lại tiếp tục phạm tội, khi bị phát hiện bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn trong việc điều tra truy tố. Lần phạm tội lần này bị cáo đã lừa đảo của nhiều người do vậy phải chịu tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi của Nguyễn Trọng Giúp Hán Thanh X1 làm giả hình ảnh giao dịch chuyển tiền và Hán Thanh X1 sử dụng hình ảnh giả này gửi cho chị Trần Thị Thanh T2 nhằm đối phó tạm thời việc chị T2 đòi nợ tiền X1 mua sắt, thép. Hành vi của X1, không cấu thành tội phạm “Làm, sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức”, quy định tại Điều 341 BLHS. CQĐT không xem xét, xử lý với X1, N là phù hợp. Nguyễn Trọng N không biết X1 lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công ty TNHH T6, không xem xét, xử lý N là phù hợp.

Đối với Lê Văn C là người lái xe ô tô taxi được Hán T thuê chở đi khi đi mua sắt thép của công ty TNHH T6. Nội dung lời khai, nội dung đối chất giữa X1 với C đều thể hiện C không biết, không tham gia thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của X1. CQĐT không xem xét, xử lý đối với C là phù hợp.

Đối với Nguyễn Ngọc Đ1, cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập, làm việc nhưng đến nay vẫn chưa tiến hành làm việc được với Nguyễn Ngọc Đ1. Mặc dù Hán Thanh X1 khẳng định Đoàn không liên quan tới hành vi vi phạm của X1, tuy nhiên các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện Đ1 là người chuyển trả một phần tiền mua sắt, thép cho công ty TNHH T6 (chị T2) và Đ1 có mặt khi X1 thỏa thuận mua hàng của công ty TNHH T6. Hiện chưa có căn cứ để xử lý đối với Đ1, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Đã ra Quyết định truy tìm người đối với Đ1. Nếu có căn cứ sẽ xử lý sau là phù hợp.

Đối với Hà Sỹ L1, Nguyễn Duy H3, Đặng Đức T5, Phan Việt P: Quá trình điều tra xác định các anh L1, H3, T5, P không có mối quan hệ quen biết với Hán Thanh X1. Những người này được X1 thuê đến chở sắt thép, không biết mục đích thực hiện hành vi của Hán Thanh X1 nên cơ quan điều tra không xử lý đối với những người trên.

Đối với Nguyễn Thị H2, Lê Đình D, Nguyễn Văn T1, Trần Duy L: Khi mua hàng hóa của X1 thì do chị H2, anh D, anh T1, anh L tin tưởng các thông tin do X1 đưa ra, không biết hàng hóa X1 mang bán là do X1 phạm tội. CQĐT không xem xét, xử lý là phù hợp.

[2] Về hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do bị cáo không có tài sản gì lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền cũng như hình phạt bổ sung khác đối với bị cáo.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt về tội đánh bạc chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phần tranh luận đại diện Công ty Cổ phần P1 đề nghị xem xét giảm nhẹ cho

bị cáo. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Công ty TNHH T6: Yêu cầu H8 trả lại số là 642.819.325đ tương đương với số giá trị hàng hóa mà Hán Thanh X1 đã chiếm đoạt của Công ty TNHH T6. Ngoài ra, đề nghị Hán Thanh X1 có trách nhiệm trả số tiền phạt vi phạm theo hợp đồng đã ký là 12% của số tiền 739.393.000đ là 88.727.000đ và Hán Thanh X1 có trách nhiệm trả lãi theo lãi xuất ngân hàng tính đến thời điểm Hán T thanh toán được toàn bộ số tiền nêu trên.

Công ty cổ phần P1: Yêu cầu Hán Thanh X1 trả lại số là 273.500.000đ tương đương với số giá trị hàng hóa mà Hán Thanh X1 đã chiếm đoạt của Công ty cổ phần P1. Ngoài ra, về phần lãi đề nghị Hán Thanh Xuân trả lãi kể từ ngày 16/6/2023 (là ngày đơn hàng được tính là quá hạn thanh toán) với lãi suất là 10% tương đương số tiền là 27.574.795 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị H2: Yêu cầu Hán Thanh X1 có trách nhiệm trả lại số tiền 63.500.000 đồng tương đương số tiền mà chị H2 đã mua số sắt thép của Hán Thanh X1 và bị cơ quan công an thu giữ và tiền lãi

Tại phiên tòa, Công ty cổ phần P1: Yêu cầu Hán Thanh X1 trả lại số là 273.500.000đ tương đương với số giá trị hàng hóa mà Hán Thanh X1 đã chiếm đoạt; Công ty cổ phần P1: Yêu cầu Hán Thanh X1 trả lại số là 273.500.000đ tương đương với số giá trị hàng hóa mà Hán Thanh X1 đã chiếm đoạt; Chị Nguyễn Thị H2: Yêu cầu Hán Thanh X1 có trách nhiệm trả lại số tiền 63.500.000 đồng tương đương số tiền mà chị H2 đã mua số sắt thép của Hán T và bị cơ quan công an thu giữ. Các Công ty và chị H2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền lãi, tiền phạt hợp đồng. Xét thấy yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện và được chấp nhận nên cần buộc bị cáo phải bồi thường theo yêu cầu của những người trên.

Đối với anh Lê Đình D và anh Nguyễn Văn T1 đều không yêu cầu H6 Thanh Xuân trả lại số tiền tương đương số sắt thép mà cơ quan điều tra đã thu giữ nên hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo, do không liên quan đến phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề khác của vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Các quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Điều tra viên, Kiểm sát viên thực

hiện việc điều tra, thực hành quyền công tố và Kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự đã đảm bảo khách quan đúng quy định của pháp luật. Người bào chữa cho bị cáo thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Hán Thanh X1** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo **Hán Thanh X1** 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/10/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584 và Điều 586 Bộ luật dân sự

Buộc bị cáo **Hán Thanh X1** bồi thường cho:

+ **Công ty TNHH T6** số tiền 642.819.325 đồng (sáu trăm bốn mươi hai triệu tám trăm mười chín nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng) tương đương với số giá trị hàng hóa mà **Hán Thanh X1** đã chiếm đoạt của **Công ty TNHH T6**.

+ **Công ty cổ phần P1** số tiền 273.500.000 đồng (hai trăm bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tương đương với số giá trị hàng hóa mà **Hán Thanh X1** đã chiếm đoạt của **Công ty cổ phần P1**.

+ Chị **Nguyễn Thị H2** số tiền 63.500.000 đồng (sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) tương đương số tiền mà chị **H2** đã mua số sắt thép của **Hán T** và bị Cơ quan công an thu giữ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán tiền, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo **Hán Thanh X1** 01 chiếc điện thoại di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung được đựng trong 01 (Một) bì giấy niêm phong dán kín, có đóng 05 hình dấu tròn màu đỏ của Phòng KTHS – **Công an tỉnh P**, có chữ ký của các thành viên tham gia niêm phong **Nguyễn Mạnh H7** và **Nguyễn Thị Thanh T3** (bên trong có 01 điện thoại

di động đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung, thu của **Hán T**) nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan **công an tỉnh P** với Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ ngày 04/9/2024).

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Hán Thanh X1** phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 41.394.500đồng (bốn mươi một triệu ba trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự trong án hình sự. Tổng bị cáo phải chịu 41.594.500đồng (bốn mươi một triệu năm trăm chín mươi tư nghìn năm trăm đồng).

[7] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận Bản án hoặc Bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Phòng PC01 - CA tỉnh Phú Thọ;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Phú Thọ;
- Trại Tạm giam CA tỉnh Phú Thọ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, AV;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Toàn